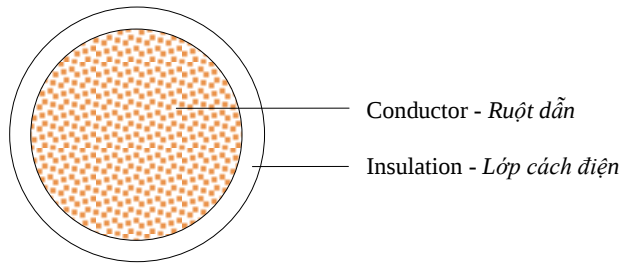


VSF – 300/500 V PVC insulation wire

• Construction of cable - Cấu trúc



Nominal area Tiết diện danh định	Conductor Ruột dẫn		Thickness of insulation Chiều dày cách điện Specified value Giá trị quy định	Max. conductor resistance Điện trở ruột dẫn lớn nhất (20°C)	Minimum insulation resistance Điện trở cách điện nhỏ nhất (70°C)	Mean overall diameter Đường kính ngoài trung bình		Approx. weight Trọng lượng gần đúng
	Composition Cấu tạo	Diameter Đường kính				Lower limit Giới hạn dưới	Upper limit Giới hạn trên	
mm ²	No/mm	mm	mm	Ω/Km	MΩ . Km	mm	mm	Kg/Km
0,5	16/0,20	1,1	0,6	39,0	0,013	2,1	2,5	10
0,75	24/0,20	1,3	0,6	26,0	0,011	2,2	2,7	12
1	32/0,20	1,5	0,6	19,5	0,010	2,4	2,8	15

Note:

Nguyên liệu : Lead Free - không chì
V : PVC
SF : Single core flexible cord - dây mềm lõi đơn

• Specification - Đặc tính kỹ thuật

- Reference standart : IEC 60227-3 (TCVN 6610-3)
- Rated voltage U_0/U : 300/500 V
- Conductor Stranding : Class 2 conductors.
- Voltage test : 2000V / 5 min.
- Maximum conductor temperature in normal use: 70°C.
- Tiêu chuẩn áp dụng : IEC 60227-3 (TCVN 6610-3)
- Cấp điện áp U_0/U : 300/500 V
- Ruột dẫn : ruột dẫn cấp 5.
- Điện áp thử : 2000V / 5 min.
- Nhiệt độ ruột dẫn lớn nhất trong sử dụng bình thường: 70°C.